

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-PT

Ngày 16 – 5 – 2023

V/v Tranh chấp chia tài sản sau khi
ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương;

Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Dương Thanh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2023/TLPT-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp “Chia tài sản sau khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 10/2022/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 527/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1979 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1982 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trương Thị B, sinh năm 1938;

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà B: Chị Võ Thị Ngọc D, sinh năm 1987 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Thị Thanh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm;

** Tại đơn khởi kiện ngày 15/01/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Trần Văn H trình bày:*

Anh Trần Văn H với chị Nguyễn Thị Thanh T là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2000 và đến năm 2017 thì ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 63/2017/HN-ST, ngày 08/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện C. Anh H và chị T chỉ thỏa thuận về hôn nhân và con chung, chưa giải quyết về tài sản chung.

Trong thời gian chung sống vợ chồng anh có tạo lập một tài sản là một căn nhà kết cấu vách tường, cột bê tông, mái tôn, nền gạch bông cất trên phần đất ở thửa 1871, diện tích là 155,5m² và thửa đất số 332, diện tích 4.067,1m², cùng tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện C, do anh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi ly hôn thì chị T có khởi kiện yêu cầu chia căn nhà gắn liền thửa 1871, diện tích là 155,5m² và thửa đất số 332, diện tích 4.067,1m², cùng tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện C, do anh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó thì chị T rút yêu cầu khởi kiện đối với căn nhà và thửa 1871, diện tích là 155,5m² tại bản án phúc thẩm số 81/2020/HNGĐ-PT ngày 08/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã đình chỉ đối với yêu cầu của chị T. Kể từ đó cho đến nay giữa anh với chị T cũng không thỏa thuận được.

Nay anh khởi kiện yêu cầu chia một căn nhà kết cấu vách tường, cột bê tông, mái tôn, nền gạch bông gắn liền với thửa 1871, diện tích là 155,5m² và yêu cầu chia cho anh là 2/3 và chia cho chị T 1/3 và anh xin thối lại 1/3 giá trị cho chị T.

Sau đó anh H có đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện với lý do đã thỏa thuận phân chia xong. Tại phiên tòa anh H xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

** Đại diện bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T anh Trần Văn L trình bày:* Đối với căn nhà kết cấu vách tường, cột bê tông, mái tôn, nền gạch bông gắn liền với thửa 1871, diện tích là 155,5m² chị T và anh H đã thỏa thuận phân chia xong, nay chị T cũng không có yêu cầu gì đối với căn nhà và thửa đất trên.

Ngoài ra tại đơn phản tố ngày 04/3/2021, chị T xác định tài sản chung vợ chồng còn có thửa đất số 1658 (thửa mới là 1024) diện tích 60m², tọa lạc tại chợ Hồng Xi N ở ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang là tài sản chung của vợ chồng tạo lập vào năm 2008 chưa thỏa thuận được, hiện nay anh H quản lý sử dụng. Nay chị T yêu cầu chia đôi phần đất trên chị xin nhận giá trị đất theo kết quả định giá của Hội đồng định giá và giao toàn bộ phần đất trên cho anh H.

Nguyên đơn anh H không đồng ý chia đôi phần đất trên vì anh xác định đây là phần đất của mẹ anh là bà Trương Thị B mua cho anh đứng tên, không phải là tài sản chung của vợ chồng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng tại Tờ tường trình ngày 24/3/2021 bà B trình bày: vào năm 2008 bà có bán thửa đất số 873 với diện tích là 819m², tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang để đến chợ Hồng Xi N mua lô đất có diện tích là 60m² của ông Ba T1 nhưng vì không biết chữ và lớn tuổi nên mới để cho H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bà đã ở từ đó cho đến nay. Bà xác định đây là phần đất của bà cho anh H đứng tên không phải do chị T và anh H bỏ tiền mua nên không đồng ý theo yêu cầu của chị T.*

** Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 10/2023/HNGĐ-ST ngày 10/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 và Điều 244 Bộ Luật Tố tụng dân sự; các Điều 33, Điều 59 và Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.*

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Nguyễn Thị Thanh T về việc yêu cầu ½ phần đất ở thửa số 1024, diện tích 60m², tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện anh Trần Văn H về việc yêu cầu chia một căn nhà kết cấu vách tường, cột bê tông, mái tôn, nền gạch bông gắn liền với thửa 1871, diện tích là 155,5m².

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

** Ngày 10/01/2023, bị đơn Nguyễn Thị Thanh T có đơn kháng cáo đối với toàn bộ Bản án sơ thẩm số 10/2023/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang; chị Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu tòa*

án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố, yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết yêu cầu kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 10/2023/HNGĐ-ST của Tòa án nhân dân huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự, tố tụng dân sự và hôn nhân gia đình trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Xét yêu cầu kháng cáo của chị T về việc chia $\frac{1}{2}$ diện tích 60m² đất ở, thuộc thửa số 1024, tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang: Chị T xác định đây là tài sản chung của vợ chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân nhưng không có chứng cứ gì chứng minh đây là tài sản chung của vợ chồng. Hiện tại phần đất trên do anh H đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Riêng anh H không thừa nhận là tài sản chung của vợ chồng mà anh cho rằng phần đất này do mẹ anh là bà Trương Thị B mua cho anh; do mẹ anh tuổi cao và không biết chữ nên mới cho anh đứng tên vì mẹ anh sống chung với anh để sau này không ai tranh chấp. Thể hiện là việc bà B có bán phần đất ở xã H và bà B có làm giấy tặng cho đất nền nhà cho anh H, có xác nhận của trưởng ấp H, xã H; sau đó thì anh H có mua một nền nhà, bà B về đó sinh sống cho đến nay và đã được cất một căn nhà Đại đoàn kết trên phần đất trên, phía chị T cũng không có ý kiến gì. Ngoài ra chị T cho rằng chị và anh H đã bỏ tiền ra mua ba lô đất và bán hai lô, còn lại một lô hiện nay bà B đang ở; khi đi mua ba phần đất trên chị và anh H là người trực

tiếp gặp vợ chồng ông Nguyễn Quốc T1 (Ba T1) trả tiền và chị có yêu cầu xác minh vợ ông Ba T1. Theo kết quả xác minh thì bà Nguyễn Thị Bé N (vợ ông Ba T1) xác định vợ chồng anh H và chị T chỉ có đến nhà bà giao tiền mua hai lô đất còn đối với lô thứ ba thì chị T không đến mà anh H đến giao dịch và ông Ba T1 chồng bà nói lại là anh H có mua một lô cho mẹ của anh H; Do đó lời trình bày của chị T là không có căn cứ. Chị T cũng không có chứng cứ gì chứng minh phần đất trên là tài sản chung của hai vợ chồng nên kháng cáo của chị T là không có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị T.

[3] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 và Điều 244 Bộ Luật Tố tụng dân sự ;

Căn cứ các Điều 33, Điều 59 và Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thanh T, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình số 10/2023/HNGĐ-ST ngày 10/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Nguyễn Thị Thanh T về việc yêu cầu $\frac{1}{2}$ phần đất ở thửa số 1024, diện tích $60m^2$, tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện anh Trần Văn H về việc yêu cầu chia một căn nhà kết cấu vách tường, cột bê tông, mái tôn, nền gạch bông gắn liền với thửa 1871, diện tích là $155,5m^2$.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 7.170.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 1.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004947 ngày 24/3/2021 và

300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010840 ngày 10/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C nên còn phải nộp tiếp 6.170.000 đồng.

Hoàn lại cho anh Trần Văn H 8.333.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004660 ngày 26/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- THADS huyện C;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phong